TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **12** /2021/DS-ST
Ngày: 23/4/2021
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương;

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2020/TLST- DS, ngày 31/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 09/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 2/4/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị C, sinh năm 1965; Có mặt

Địa chỉ: Số 10, đường HN, khu phố Z, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn J, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2020, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị C trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị L là chỗ quen thân trong việc buôn bán tại chợ, nên bà nhiều lần cho bà L vay tiền. Cụ thể trong năm 2019, bà không nhớ chính xác vào tháng nào, bà L có vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất 3%/tháng. Sau 1 tháng bà L không chịu trả 5.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà. Về tiền lãi mỗi tháng bà L trả cho bà 100.000 đồng, trả được bao nhiêu tháng bà không nhớ. Sau lần vay này, bà L còn vay thêm của bà 02 lần, số tiền vay và thời gian vay được bà ghi vào sổ. Đến tháng 7/2020 bà và bà L gút nợ, tổng số tiền gốc bà L còn nợ bà là 21.000.000 đồng, bà L viết giấy nợ cho bà và hẹn 3 tháng sau sẽ trả. Từ thời gian vay đến nay bà L có trả lãi cho bà tổng cộng hơn 1.000.000 đồng, bà không thể nhớ chính xác tiền lãi bà L đã trả là bao nhiêu. Vào thời điểm vay tiền của bà thì chồng bà L đã chết. Nay bà yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền 21.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 giấy vay tiền có ghi: Người mượn- Nguyễn Thị L và có ký tên.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L đều không có mặt, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án.

Qua xác minh được biết: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963 hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại số 176, đường số 7, đội 5 (tổ 5), thôn 2, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. bà Nguyễn Thị L có chồng tên Nguyễn Nguyện, ông Nguyện chết đã lâu. Tại đội 5 (tổ 5), thôn 2, xã NC, huyện Đ không có người khác cùng tên Nguyễn Thị L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Về phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thục hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ đúng pháp luật. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Buộc bà L trả cho bà C 20.000.000 đồng. Việc bà C không yêu cầu tính lãi là phù hợp, nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục:Về thẩm quyền: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong đơn khởi kiện**,** giấy vay mượn tiền nguyên đơn cung cấp cho Tòa án xác định địa chỉ của bà Nguyễn Thị L tại đội 5, thôn 2, xã NC, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đồng thời qua xác minh tại công an xã NC xác định bà L có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Tòa án căn cứ vào đơn khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp là: tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do quan hệ pháp luật xác lập kể từ tháng 01/7/2020, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lương Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay 21.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ theo giấy vay tiền lập ngày 01/7/2020 xác định bà Nguyễn Thị L có vay của bà Lương Thị C số tiền 21.000.000 đồng, không thỏa thuẫn lãi suất, thời hạn vay 3 tháng. Từ thời điểm vay đến nay bà C không nhớ chính xác bà L đã trả lãi cho bà C là bao nhiêu, chỉ nhớ đã trả khoảng 1.000.000 đồng. Căn cứ khoản 4 Điều 466

của BLDS năm 2015 quy định " *…4/ Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này*". Đối chiếu quy định của điều luật đã viện dẫn với chứng cứ là bản chính giấy mượn tiền, lập ngày 01/7/2020 do bà C nộp tại phiên tòa thấy rằng, trong nội dung giấy mượn tiền không thể hiện có sự thỏa thuận về việc trả tiền lãi nếu bên vay không trả tiền đúng hạn. Do bà C không nhớ chính xác số tiền 1.000.000 đồng bà L đã trả trước hay sau ngày 1/7/2020 (ngày viết giấy vay tiền), đồng thời tại phiên tòa bà C đồng ý trừ số tiền 1.000.000 đồng vào tiền gốc, nên Hội đồng xét xử quyết định buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Còn việc bà C không yêu cầu bà L phải chịu lãi suất kể từ ngày chậm trả là sự tự nguyện của bà C và có lợi cho bị đơn là bà L, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Lương Thị C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Lương Thị C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Nguyễn Thị L phải thanh toán nêu trên, thì bà L còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà C 525.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005157 ngày 31/12/2020 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: **23/4/2021**. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái